

**CÔNG TY TNHH TUSON VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TUSON VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUSON VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TUSON VINA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301250825

**3. Ngày thành lập:** 06/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 29 Ngõ 38 Khu Phố Lễ Xuyên, Phường Đồng Nguyên, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0963778913

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) loại mới và loại đã qua sử dụng:<br>- Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc;<br>- Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...;<br>- Xe vận chuyên có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.<br>(Trừ đầu giá tài sản) | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Trừ đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4530     |
| 6.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4541     |
| 7.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4542     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4632     |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy lọc nước, thiết bị lọc nước;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                                                                                                                                                                                                                                          | 4649(Chính) |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;<br>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. | 4659        |
| 13. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8292        |
| 14. | Quảng cáo<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5229        |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHAN ĐÌNH HUY

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027087009290

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Công an Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Phố Lễ Xuyên, Phường Đồng Nguyên, Thành phố T. Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 29 Ngõ 38, Khu Phố Lễ Xuyên, Phường Đồng Nguyên, Thành phố T. Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN ĐÌNH HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/07/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027087009290

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: Công an Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Phố Lễ Xuyên, Phường Đồng Nguyên, Thành phố T. Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 29 Ngõ 38, Khu Phố Lễ Xuyên, Phường Đồng Nguyên, Thành phố T. Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh